

Biện chứng của tự do

Không có gì quý hơn Độc lập, Tự do"

- Hồ Chí Minh -

Tự do không phải là thuật ngữ xa lạ, càng không phải một phát hiện bởi nó gắn liền với con người như một công cụ để tồn tại, để sống và để phát triển. Tuy nhiên, đối với con người, tự do vẫn phần nào bí ẩn; chúng ta, dường như, chưa nhận thức trọn vẹn về nó, càng chưa biết khai thác và sử dụng nó như một công nghệ phát triển.

Thời kỳ Khai sáng đã đánh dấu một bước ngoặt không chỉ trong lịch sử mà còn trong nhận thức của con người. Các học giả của thời kỳ ấy không phải những người đầu tiên bàn về tự do nhưng họ là những người có công rất lớn trong việc xây dựng những nhận thức mới về tự do và thức tỉnh nhân loại về các giá trị của nó. Phương Tây đã đón nhận những đóng góp ấy và là những người đầu tiên được nếm vị ngọt của tự do và hưởng thụ những thành quả của nó.

Tuy nhiên, ở một số vùng kém phát triển, con người vẫn mơ hồ trước tự do và dừng lại ở việc nhận thức nó như một công cụ thỏa mãn các đòi hỏi mang tính bản năng. Vậy đâu là căn nguyên của hiện tượng này và phải chăng, có mối liên hệ giữa tình trạng kém phát triển với trạng thái thiếu hoặc không có tự do? Bài viết “Biện chứng của tự do” sẽ góp phần trả lời câu hỏi ấy.

TỰ DO NHƯ MỘT PHẠM TRÙ TRIẾT HỌC

Những quan niệm về tự do

Ngược dòng lịch sử, có thể thấy các học giả phương Tây đã sớm đưa ra một số định nghĩa về tự do. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi chỉ đưa ra hai cách hiểu về tự do phổ biến nhất của Locke và Hegel.

Tự do là khả năng con người có thể làm bất cứ điều gì mà mình mong muốn mà không gặp bất kỳ cản trở nào (Locke)

Đây là định nghĩa nguyên thủy nhất về tự do và cũng từng được khá nhiều người tán đồng. Tuy nhiên, định nghĩa này có những hạn chế nhất định, thể hiện ở chỗ nếu tự do chỉ thuần túy là khả năng con người có thể làm bất cứ điều gì mình mong muốn mà không gặp bất kỳ cản trở nào thì sẽ có rất nhiều người nhân danh tự do để thỏa mãn những mong muốn hay tham vọng cá nhân của mình, phá hoại trật tự xã hội, và do đó, làm phương hại đến sự phát triển của mỗi cá nhân cũng như cả cộng đồng.

Tự do là cái tất yếu được nhận thức (Hegel)

Nhận thức được sự hạn chế của định nghĩa về tự do của Locke, Hegel đã xây dựng một định nghĩa mới về tự do. Đó là, tự do là cái tất yếu được nhận thức. Câu hỏi đặt ra là, vậy cái tất yếu là gì? Ở đây, cái tất yếu được hiểu là các quy luật tự nhiên. Do vậy, có thể viết lại định nghĩa về tự do của Hegel như sau: tự do là các quy luật tự nhiên được nhận thức. Hegel cho rằng con người càng nhận thức một cách chính xác, rõ ràng và toàn diện về cái tất yếu bao nhiêu

thì càng có tự do bấy nhiêu.

Định nghĩa này đã phát triển hơn một bước so với định nghĩa của Locke, tức đã đưa tự do từ một trạng thái bản năng đến tự do trong mối tương quan với cái tất yếu. Như vậy, ranh giới của trạng thái tự do và trạng thái không có tự do chính là cột mốc nhận thức được cái tất yếu. Nhận thức được cái tất yếu, con người sẽ không nhân danh tự do để thực hiện những hành vi kìm hãm sự phát triển của bản thân anh ta và cả cộng đồng. Chính lúc ấy, tự do sẽ là điều kiện tinh thần giúp con người tiếp cận với sự phát triển thực thụ và toàn diện.

Trong khi ở phương Tây, các học giả bàn về tự do một cách sôi nổi và đầy cảm hứng thì ở phương Đông, tự do chưa phải là một khái niệm hoàn chỉnh mà mới chỉ được hiểu theo nghĩa tự do bản năng, hay như cái cho phép, hệ quả là, cái gì không cho phép nghĩa là không tự do. Chẳng hạn, giải thoát là một trong những phạm trù triết học tôn giáo Ấn Độ để chỉ trạng thái tinh thần, tâm lý, đạo đức của con người thoát ra khỏi mọi sự ràng buộc của thế giới trần tục và nỗi khổ ải của cuộc đời. Có thể nói, triết học Ấn Độ chỉ xoay quanh giải thoát con người trong đời sống tinh thần (gần như tiệm cận trạng thái siêu thoát) thay vì đưa ra các tư tưởng phát triển con người bằng cách giải phóng con người khỏi những ràng buộc. Triết học Trung Hoa cổ đại từng đề xướng tư tưởng “vô vị” nghĩa là tự do tuyệt đối không bị ràng buộc bởi bất cứ ý tưởng dục vọng, đam mê, ham muốn nào; tức sống, tồn tại theo bản tính tự nhiên, không cần sự tham gia có tính chất xã hội.

Tự do là quá trình dịch chuyển song song của ý nghĩ và hành vi

Tự do được hiểu một cách rất khác nhau giữa các dân tộc và thậm chí, giữa các thành viên của dân tộc. Thực ra, người ta chỉ nhận ra

giá trị của tự do khi đã bị mất tự do, hay nói cách khác, người ta chỉ cảm thấy giá trị của tự do khi vướng phải những giới hạn của nó bởi chính những giới hạn ấy sẽ đánh thức con người, giúp con người thoát ra khỏi trạng thái thụ động đón nhận một phần của tự do như sự nhân nhượng của bề trên đối với kẻ dưới. Tuy nhiên, phải khẳng định rằng, tự do không phải là một loại quyền được trao tặng bởi bất kỳ thể chế nào mà nó là bản chất tự nhiên của con người, tức là nó gắn liền với con người ngay từ khi sinh ra. Có thể nói, tự do là không gian sống của mỗi cá nhân, ai cũng có thể khai thác không gian ấy, thậm chí mở rộng nó, nếu hiểu được bản chất và giá trị của tự do.

Tuy nhiên, trước khi bàn về phép biện chứng của tự do, chúng ta cần phải xây dựng một định nghĩa về tự do. Chúng tôi cho rằng, tự do là quá trình dịch chuyển song song của ý nghĩ và hành vi, hệ quả là, bất cứ xã hội nào cho phép sự dịch chuyển song song này diễn ra một cách thuận lợi trong một trật tự hài hòa và cân đối, xã hội ấy sẽ đạt tới trạng thái tự do. Phép biện chứng của tự do cần phải góp phần vào việc thay đổi nhận thức của con người về tự do, trên cơ sở ấy hỗ trợ quá trình dịch chuyển song song của ý nghĩ và hành vi ở mỗi cá nhân cũng như cả cộng đồng. Đó chính là tiền đề của sự phát triển.

TỰ DO VÀ CÁC MỐI QUAN HỆ BIỆN CHỨNG

Tự do là một khái niệm phức tạp, đa chiều và gồm có nhiều thành tố. Nó không phải là một cảm giác mặc dù nếu thiếu cảm giác về tự do thì cũng không thể tạo thành khái niệm tự do. Điều quan trọng nhất là khi nghiên cứu tự do là chúng ta phải phân tích các thành tố tạo thành khái niệm tự do, vị trí và ảnh hưởng của từng thành tố đối với đời sống. Trên cơ sở đó, con người sẽ nhận thức được mình nên chuyển nhượng bộ phận nào của tự do, chuyển nhượng cho ai và

vào thời điểm nào để phân tự do mình cống hiến không trở nên vô nghĩa.

Tự do là một trong những điều kiện ban đầu để hình thành hạnh phúc. Đồng thời, nó là nguyên liệu đầu vào của đời sống con người, hạnh phúc chính là kết quả của việc chuyển hóa tự do thành những sức mạnh nhất định và toàn bộ quá trình chuyển hóa chính là tiến trình phát triển. Vì vậy, có thể nói, phân tích tự do, hạnh phúc và quá trình phát triển chính là phân tích quá trình vận động của tự do.

Điều quan trọng nhất là, trên cơ sở các phân tích về tự do, chúng ta cần phải xác lập ranh giới giữa các loại đối tượng, đó là loại đối tượng có năng lực sử dụng và khai thác tự do và loại đối tượng không có năng lực khai thác và sử dụng tự do, bởi tự do chỉ dành cho những người có trình độ nhận thức nhất định. Mặc dù tự do là sở hữu tự nhiên của con người, nhưng không phải tất cả mọi người đều có năng lực và xứng đáng được khai thác thứ tài sản vô giá ấy. Xác lập ranh giới giữa những loại đối tượng khác nhau sẽ giảm bớt những rủi ro có thể xảy ra trong quá trình xây dựng tự do như một công nghệ phát triển. Chỉ có như thế, tự do mới trở thành điểm xuất phát của mọi quá trình phát triển cả về mặt nhận thức lẫn hành vi.

Mối quan hệ giữa các thành tố của tự do

Có thể hiểu, tự do gồm có hai thành tố quan trọng nhất là tự do nhận thức và tự do hành động trên tất cả các lĩnh vực của đời sống. Vậy, đâu là mối liên hệ giữa hai thành tố này?

Tôi cho rằng tự do nhận thức là nền tảng để con người đi tới tự do hành động. Không có tự do nhận thức tức là không có tự do tinh thần, con người sẽ không thể có tự do hành động bởi luôn vấp phải

các rào cản về mặt nhận thức, và do đó, con người sẽ cảm thấy bị hạn chế, bị mất tự do ngay từ trong ý nghĩ chứ không chỉ trong hành vi của mình. Điều này hoàn toàn trái ngược với tinh thần về tự do mà chúng tôi đã đưa ra trong phần trên, đó là tự do là sự dịch chuyển song song của ý nghĩ và hành vi. Phải hiểu rằng, tự do nhận thức sẽ tạo điều kiện cho sự phát triển và dịch chuyển của ý nghĩ, trong khi đó, tự do hành động sẽ tạo điều kiện cho sự dịch chuyển của hành vi song song và tương ứng với sự dịch chuyển của ý nghĩ.

Mặt khác, tự do nhận thức chính là điều kiện tiên quyết để xây dựng các mô-đun nhận thức, biến không gian nhận thức của mỗi cá nhân và cộng đồng thành một vườn ươm các mô-đun tư duy của con người. Khu vườn đó chỉ đa dạng và phong phú chừng nào tự do hạnh phúc được công nhận như một trong những nguyên lý căn bản nhất. Sự phong phú và đa dạng về mặt nhận thức sẽ dẫn tới sự phong phú và đa dạng của hành động. Điều này sẽ tạo ra không gian đa chiều trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị và văn hóa - điều kiện cần và đủ để mỗi cá nhân, mỗi cộng đồng, mỗi nhà nước, mỗi thể chế duy trì và phát triển sự đúng đắn của mình. Mặt khác, đến lượt mình, tự do hành động lại tạo điều kiện cho việc mở rộng không gian nhận thức của mỗi cá nhân và cộng đồng, bởi thông qua tự do hành động, con người sẽ có điều kiện làm phong phú kinh nghiệm sống, kinh nghiệm văn hóa của mình, và do đó, có thể xúc tiến những cái mới về nhận thức và tự điều chỉnh nhận thức của mình. Đây chính là mối liên hệ hữu cơ giữa hai thành tố cơ bản nhất của tự do.

Mối quan hệ giữa tự do và phát triển

Chúng ta đã trăn trở rất nhiều trước vấn đề tại sao trong lịch sử cận đại và hiện đại phương Đông lại chậm phát triển hơn phương Tây. Để trả lời cho câu hỏi ấy, chúng ta đã tốn rất nhiều công sức và

niệt huyết mà vẫn chưa tìm ra lời giải thích xác đáng. Phần lớn tài nguyên của nhân loại nằm ở phương Đông, nhưng phương Tây là cả chiến thắng trong hầu hết các cuộc chạy đua đến sự phát triển. Trong khi đó, nguy hiểm với chính mình, phương Đông đắm chìm và tự cổ vũ mình trong những giá trị Châu Á đến khi nhận ra những giá trị ấy cũng chỉ là một dạng tài nguyên chứ không thể và không phải là sự phát triển thực. *Vậy đâu là căn nguyên và lời giải của hiện tượng này?*

Các phân tích về tự do cho thấy rằng chính sự thiếu tự do ở phương Đông là nguyên nhân sâu xa nhất gây nên tình trạng chậm phát triển, và do đó, nhận thức lại tự do, ý nghĩa và vai trò của nó đối với đời sống cũng như công nhận tự do như quyền và sở hữu tự nhiên của con người chính là giải pháp triệt để để phương Đông tiếp cận sự phát triển.

Chúng tôi tán đồng luận điểm của Amartya Sen, một trong những nhà kinh tế học đoạt giải Nobel, khi ông cho rằng “Phát triển như là tự do”. Sở dĩ có thể nói như vậy là bởi cấu trúc tự do, nói chung, gồm có tự do kinh tế, tự do chính trị và tự do tinh thần. Tự do kinh tế chính là nguyên khí của nền kinh tế thị trường - giải pháp duy nhất để phát triển kinh tế. Tự do chính trị chính là điều kiện tiên quyết để xây dựng một nhà nước dân chủ - phương thức quản lý ưu việt cho phép phát triển con người một cách toàn diện. Tự do tinh thần, tức không lệ thuộc vào nhận thức của người khác, chính là nguyên khí của khoa học nhận thức, nó chính là yếu tố quan trọng nhất tạo ra sự sáng tạo và sự đa dạng của khoa học nhận thức, tức sự đa dạng về mặt tinh thần.

Mối quan hệ giữa tự do và trình độ phát triển của lực lượng sản xuất cũng là một khía cạnh quan trọng trong các phân tích về tự do. Cần lưu ý rằng trình độ phát triển của lực lượng sản xuất không chỉ thể hiện ở sự hiện đại của tư liệu sản xuất mà quan trọng hơn là ở sự tiến bộ của nhận thức. Tự do đánh thức các năng lực phát triển, đó là điều không thể phủ nhận. Tuy nhiên, cần nhấn mạnh rằng, sự phát triển của trình độ lực lượng sản xuất cũng đóng vai trò đáng

kể vào việc mở rộng không gian tự do của con người. Nói cách khác, lực lượng sản xuất phát triển đến đâu thì không gian tự do sẽ mở rộng đến đó, và do đó, có thể kết luận giữa hai cặp phạm trù này luôn có một sự dịch chuyển song song và tương ứng.

Phải khẳng định rằng tự do bao giờ cũng là điểm xuất phát của sự phát triển và không thể có sự phát triển nào đi trước tự do. Sự phân biệt rành mạch hai khái niệm tự do và bản lĩnh tự do sẽ giúp nhà cầm quyền nhận ra nỗi sợ về sự mất ổn định do sự thiếu kinh nghiệm tự do của người dân tạo ra là một nỗi sợ hoàn toàn vô lý bởi kinh nghiệm tự do, hay bản lĩnh tự do chỉ hình thành khi người dân có tự do và có quyền sử dụng và khai thác nó trong đời sống của mình. Đó cũng chính là một trong những ý nghĩa căn bản của các phân tích về tự do.

Bên cạnh đó, tự do còn là hạt nhân của mọi cuộc cải cách, trong đó có bốn cuộc cải cách quan trọng nhất, đó là cải cách chính trị, cải cách kinh tế, cải cách văn hóa và cải cách giáo dục. Tự do kinh tế đi trước để con người ném được các thành quả sự phát triển. Chừng nào cảm nhận được vị ngọt, tức các thành quả thu được từ tự do kinh tế, con người sẽ nhận thức được giá trị của tự do chính trị. Tự do chính trị chính là nhu cầu đòi hỏi thể chế khẳng định các quyền tự do. Tuy nhiên, con người còn là tổng hòa các mối quan hệ xã hội, nói cách khác, con người chính là sản phẩm của văn hóa. Do vậy, nếu không có tự do văn hóa, con người sẽ không thể ra khỏi quá khứ và không tìm được yếu tố bảo trợ tinh thần cho tự do kinh tế và tự do chính trị. Mặt khác, thiếu yếu tố bảo trợ tinh thần là tự do văn hóa, tự do kinh tế và tự do chính trị sẽ tạo ra trạng thái phát triển không ổn định vì luôn bị níu kéo bởi sự lạc hậu về mặt văn hóa. Cải cách giáo dục là tiền đề của việc xây dựng một lực lượng tiên tiến hùng hậu của xã hội, đủ năng lực để duy trì và nâng cao chất lượng của sự phát triển. Tựu trung lại, bốn cuộc cải cách này với hạt nhân là tự do đều nhằm tiếp cận trạng thái phát triển bền vững. Phát triển bền vững không thuần túy là sự phát triển ổn định và liên tục mà còn là sự ổn định của các nguồn phát triển. Nếu cải cách kinh tế tạo ra được sức mạnh hữu hình của sự phát triển thì tự

do về chính trị và tự do về văn hóa sẽ tạo ra tính ổn định của các nguồn của sự phát triển, hay nói cách khác chính là tạo ra phạm trù phát triển bền vững. Đó chính là một trong những điểm mấu chốt quan hệ giữa tự do và phát triển.

Mối quan hệ giữa tự do và dân chủ

Ở phương Tây, người ta cho rằng, tự do là một quyền tự nhiên, là không gian vốn có của mỗi con người, và do đó, Nhà nước dân chủ là kết quả của sự nhượng bớt một phần tự do cá nhân cho chính phủ để nhà nước có vốn liếng điều hành xã hội. Từ đó, có thể khẳng định, sự tự nguyện nhượng bớt một phần tự do cá nhân cho chính phủ như một hình thức góp vốn chính là bản chất khế ước xã hội. Điều hành đất nước bằng pháp luật, hay các khế ước xã hội chính là điểm ưu việt của phương thức quản lý theo mô hình dân chủ.

Rousseau viết “Với khế ước xã hội, con người mất đi cái tự do thiên nhiên và hạn chế cái quyền được làm những điều muốn làm mà làm được; nhưng mặt khác, con người thu lại quyền tự do dân sự và quyền sở hữu những cái mà anh ta có”. Cũng trong phần này, ông viết “làm theo kích thích của dục vọng là nô lệ, mà tuân theo các quy tắc mà mình đặt ra là tự do”. Như vậy, bản chất của tự do là gì và đâu là giá trị cao quý của nó? Có thể khẳng định ngay rằng, bản chất của tự do chính là việc tuân theo các quy tắc của nhận thức của mình chứ không lệ thuộc vào nhận thức của người khác. Do đó, giá trị cao quý của tự do chính là đảm bảo và trao trả một cách nguyên vẹn không gian sống của con người và tạo điều kiện cho hành vi của mỗi con người phản ánh một cách trung thực gương mặt của nhận thức của mình. Câu hỏi được đặt ra: Hình thái nhà nước nào đảm bảo được tính ổn định hay giá trị bền vững của tự do công dân? Lịch sử hình thành và phát triển của nhân loại đã chứng minh rằng chế độ chính trị tiên tiến có thể đảm bảo quyền tự do công dân chính là chế độ dân chủ. Khi bàn đến tự do, người ta mới nói dân chủ là tất yếu, tức là xã hội không thể tiếp tục duy trì tình trạng độc tài.

Nền dân chủ được hình thành trên cơ sở các quyền tự do được thể chế hóa, nói cách khác, tự do chính là nguyên liệu quan trọng nhất để xây dựng nền dân chủ. Có thể nói, sở dĩ nền dân chủ ngày càng phát triển và chứng minh vai trò của nó trong việc xúc tiến sự phát triển và tiến bộ xã hội là bởi nó đã nhận thức đúng đắn về tự do thể hiện ở việc xây dựng các khế ước xã hội. Khế ước xã hội không phải là những mệnh lệnh mà là những thỏa thuận của con người trên cơ sở nhận thức về tự do và tự nguyện nhượng bớt một phần tự do cá nhân để xác lập trạng thái phát triển hài hòa và cân đối.

Trên cơ sở đó, cần phải đi đến nhận thức rằng, không có một môi trường nào có thể hỗ trợ sự phát triển của con người tích cực bằng một môi trường đảm bảo tự do cá nhân thông qua sự tự nguyện nhượng bớt một phần tự do cá nhân, tức một nhà nước dân chủ.

Một khía cạnh khác trong mối quan hệ giữa tự do và dân chủ là, tự do là thứ tài sản tự nhiên vô giá nhất của con người và xã hội được cấu thành từ sự góp vốn của con người, ở đây, vốn được hiểu là một phần tự do cá nhân. Vì vậy, bản chất của nhà nước là một khế ước, mà ở đó, con người tự nguyện góp một phần tự do. Gia đình là một đơn vị xã hội mà mỗi người, ngoài quan hệ huyết thống, còn tự nguyện góp một phần tự do. Do đó, chế độ độc tài là chế độ chiếm đoạt vốn liếng tự nhiên của đời sống con người tự do. Đó chính là bản chất của sự tham nhũng tinh thần, tức chiếm đoạt tự do của người khác thay vì sử dụng sự tự nguyện chuyển nhượng tự do của họ một cách minh bạch. Đó cũng chính là hạn chế của các nhà nước phi dân chủ. Các phân tích về tự do phải chỉ ra ai chiếm dụng vốn liếng của con người và phải giúp con người đi tới nhận thức rất quan trọng, đó là trạng thái không có tự do của nhiều người sẽ tạo ra quyền tự do tuyệt đối của một hay một số con người. Luận điểm này đã được khẳng định từ thời kỳ Khai sáng - thời kỳ của những tên tuổi vĩ đại như Voltaire, Diderot, Montesquieu hay Rousseau.

Hết thảy con người khi sinh ra đều bình đẳng, và được tự nhiên ban cho những quyền không thể phủ nhận, trong đó có quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc. Để đảm bảo những

quyền này, các nhà nước được hình thành trên cơ sở sự đồng thuận của các thành viên trong một xã hội. Nếu hiểu theo nghĩa này thì tự do là một khái niệm rất nhân văn, nó gắn liền với cái Tự nhiên (nói chung) và con người (nói riêng).

Tự do còn là một phạm trù văn hóa, nói khác đi, văn hóa chính là không gian tinh thần của tự do. Ý nghĩa và hành vi của con người “lội bộ” trong một cánh đồng mệnh mông các đối tượng hình thành từ quá khứ, hay các ý niệm, khái niệm và nhận thức về văn hóa. Do đó, chính văn hóa mới có khả năng điều chỉnh hành vi và ý nghĩ của con người. Văn hóa điều chỉnh tự do cá nhân trở thành tự do cộng đồng tức là nó xây dựng các khái niệm sơ khai của khế ước xã hội, mọi khế ước xã hội đều xây dựng trên kinh nghiệm văn hóa chứ không phải kinh nghiệm pháp lý.

Theo **Tạp chí Khoa học & Tổ quốc**